



SSSD  **2022**
Social Sciences for
Sustainable Development

TUYỂN TẬP BÁO CÁO HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA

**KHOA HỌC XÃ HỘI
VỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

VIỆT NAM TRONG TIẾN TRÌNH ĐỔI MỚI, HỘI NHẬP, PHÁT TRIỂN

Được quét bằng

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	5
1. BÁO CÁO ĐỀ DẪN “VIỆT NAM TRONG TIẾN TRÌNH ĐỔI MỚI, HỘI NHẬP, PHÁT TRIỂN”	
<i>Trần Thị Phúc An</i>	15
PHẦN 1: CHÍNH TRỊ, KINH TẾ, XÃ HỘI CỦA VIỆT NAM TRONG TIẾN TRÌNH ĐỔI MỚI, HỘI NHẬP, PHÁT TRIỂN	23
2. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC VÀ GIÁ TRỊ GỢI MỞ HIỆN NAY	
<i>Lại Quốc Khánh</i>	25
3. TĂNG CƯỜNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VỚI KHÁT VỌNG PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC PHỒN VINH, HẠNH PHÚC	
<i>Nguyễn Thị Xuân Quỳnh</i>	34
4. PHÁT HUY Ý CHÍ TỰ LỰC, TỰ CƯỜNG VÀ KHÁT VỌNG PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	
<i>Lê Thị Yến</i>	41
5. HỌC THUYẾT HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHO ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC CỦA VIỆT NAM HIỆN NAY	
<i>Ngô Văn Hương</i>	48
6. CUỐN SÁCH “MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM” - GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN	
<i>Đặng Thị Thanh Trâm</i>	56
7. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN TRONG TÁC PHẨM “MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM”	
<i>Phạm Thị Thương</i>	64
8. TỪ “BỐN DÂN” ĐẾN “SÁU DÂN” VÀ SỰ PHÁT TRIỂN, HOÀN THIỆN CHỦ TRƯỞNG DÂN CHỦ QUA CÁC KÌ ĐẠI HỘI ĐẢNG	
<i>Trần Thị Lan Hương</i>	71
9. TĂNG CƯỜNG MỐI QUAN HỆ MẬT THIẾT GIỮA ĐẢNG VỚI NHÂN DÂN ĐỂ XÂY DỰNG ĐẢNG TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH HIỆN NAY	
<i>Phạm Thanh Thủy</i>	79

10. SỰ CHUYÊN BIÊN RỒ RỆT TRONG CÔNG CUỘC XÂY DỰNG,
CHÍNH ĐÓN ĐẢNG THÔNG QUA CÁC NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 4

Trần Thị Thủy Nga, Phạm Thanh Thủy

11. VẤN ĐỀ KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC NHÀ NƯỚC TRONG HIỆN PHÁP
NĂM 2013 85

Đào Thị Tuyết

12. KIẾN ĐỊNH MỨC TIÊU ĐỔI NGOẠI CỦA HỒ CHÍ MINH TRONG
THỜI KỲ HỘI NHẬP HIỆN NAY 92

Dương Thị Hợp, Nguyễn Thị Lệ Hằng

13. QUẢ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI NGOẠI
CỦA ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM 99

Nguyễn Thị Thu Hương

14. NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU TRONG CHÍNH SÁCH ĐỔI NGOẠI CỦA
ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC VIỆT NAM HIỆN NAY 105

Nguyễn Thị Tâm

15. VẤN DỤNG CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN TRONG PHÁT TRIỂN NỀN
KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM
HIỆN NAY 114

Phạm Thị Xuân

16. KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở
VIỆT NAM - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN 121

Nguyễn Tuấn Vương

17. QUAN ĐIỂM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ MỐI QUAN HỆ BIÊN CHỨNG
GIỮA KINH TẾ VÀ VĂN HÓA - Ý NGHĨA ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN Ở
VIỆT NAM HIỆN NAY 131

Đoàn Mạnh Hùng

18. ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM VẬN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG
HỒ CHÍ MINH VỀ KINH TẾ NHIỀU THÀNH PHẦN TRONG GIAI ĐOẠN
HIỆN NAY 140

Lê Văn Nguyễn

19. VẤN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ HỢP TÁC KINH TẾ QUỐC TẾ
TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY 149

Nguyễn Mai Phương

20. TÁC ĐỘNG CỦA TÌNH HÌNH THẾ GIỚI VÀ TRONG NƯỚC ĐẾN
KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2021 156

Mai Diệu Anh

164

21. VĂN DỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM TRONG
VĂN KIẾN ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIII CỦA ĐẢNG
Và Thị Hồng Nhung 172
22. VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC VỚI VĂN DỀ PHÂN PHỐI THỜI NHẬP THỂ
LAO ĐỘNG DỄ DÀM BẢO CÔNG BẢNG XÃ HỘI TRONG NỀN KINH TẾ
THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM HIỆN NAY
Trịnh Huy Hồng, Và Thị Mai Lương 182
23. TÁC ĐỘNG CỦA ĐẠO ĐỨC ĐẾN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG
XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM HIỆN NAY - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP
Hoàng Thu Trang 193
24. VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG HOẠT ĐỘNG BẢO HIỂM Y TẾ Ở
VIỆT NAM
Phí Mạnh Phong 202
25. CHUYÊN ĐỐI SỐ TRONG KINH TẾ - CON ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN
BỀN VỮNG CỦA VIỆT NAM
Đỗ Đức Anh, Đỗ Hữu Tùng 211
26. CHINH SÁCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ Ở VIỆT NAM TRONG
BỐI CẢNH MỚI
Dương Thị Tuyết Nhung 220
27. PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG BỀN VỮNG DÀM BẢO SỰ PHÁT TRIỂN
KINH TẾ, XÃ HỘI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY
Lê Minh Thống, Trần Văn Hiệp 229
28. THỨC DÂY XUẤT KHẨU RAU QUẢ SANG THỊ TRƯỜNG EU TRONG
BỐI CẢNH THỰC THỊ EVFTA
Trần Anh Dũng 237
29. NHỮNG THÁCH THỨC TRONG VIỆC PHÁT TRIỂN BIÊN VÙNG LÃNG
NGHIỆ TRUYỀN THÔNG MÂY TRE DẠN - NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HIỆP
XÃ PHÚ NGHĨA, HUYỆN CHƯỜNG MỸ, TỈNH NHỊ PHỐ HÀ NỘI
Trần Văn Hiệp, Nguyễn Đức Anh 247
30. MỘT SỐ VẤN ĐỀ PHÁP LÝ VỀ DOANH NGHIỆP XÃ HỘI TẠI VIỆT NAM:
THỰC TRẠNG VÀ KHUYẾN NGHỊ
Nguyễn Thị Ngọc Anh 257
31. NGUYÊN TẮC PHÁP CHẾ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG HOẠT ĐỘNG
TỰ PHÁP CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN
Bùi Thị Hằng Mong 265
32. QUYỀN TRỆM TRONG LUẬT PHÁP QUỐC TẾ VÀ VIỆT NAM
Đào Thị Tuyết 272

88. TẾP CÁN VẤN HÒA - NGỒN NGŨ HỒI ĐỀ CHÁO TRONG DẠY VÀ HỌC TIẾNG VIỆT NHƯ MỘT NGOẠI NGỮ

Hà Thị Chinh 480

89. TRIẾT LÝ GIÁO DỤC HỒ CHÍ MINH VỚI VẤN ĐỀ ĐỔI MỚI CĂN BẢN, TOÀN DIỆN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HIỆN NAY

Lã Quý Đô 489

90. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO CỦA VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ HIỆN NAY

Thân Thị Hạnh 497

91. SỰ PHÁT TRIỂN TƯ DUY CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VỀ GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

Nguyễn Thị Thủy Hà 505

92. ĐỔI MỚI QUẢN LÝ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VIỆT NAM TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN

Đặng Minh Tiến 513

93. MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Phạm Quốc Đam 523

94. MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG ĐÀO TẠO NGUỒN LAO ĐỘNG CỦA CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỊA PHƯƠNG TRONG BỐI CẢNH CÔNG NGHIỆP 4.0

Nguyễn Trung Hiếu 531

95. PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TRONG CÔNG CUỘC BẢO VỆ TỎ QUỐC TỬ SƠM, TỬ XA

Đặng Thị Thanh Trâm 543

96. DẠY HỌC KẾT HỢP (BLENDED LEARNING) TRONG GIẢNG DẠY CÁC HỌC PHẦN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI HIỆN NAY

Đinh Thanh Xuân 549

97. VẤN ĐỀ GIÁO DỤC Ý THỨC CHỦ QUYỀN BIÊN ĐẢO CHO SINH VIÊN TRONG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Trương Văn Hiệp 559

98. NĂNG CAO HỨNG THÚ HỌC TẬP CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - KINH NGHIỆM TỪ TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI

Phạm Yên Trang, Cao Thị Bích Hạnh 568

99. CHUYỂN ĐỔI SỐ Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT - ĐỘNG LỰC TỬ ĐẠI DỊCH COVID-19

Trần Thị Phúc An 576

70. VAI TRÒ CỦA GIA ĐÌNH VỚI VIỆC GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC, LỜI SÓNG CHO THẾ HỆ TRẺ TRONG ĐIỀU KIỆN HIỆN NAY

Thần Thị Giang, Bùi Thị Ngọc Lan, Nguyễn Thị Phương Chung 585

71. TƯ TƯỞNG GIÁO DỤC CỦA FUKUZAWA YUKICHI TRONG TÁC PHẨM “KHUYẾN HỌC” VÀ Ý NGHĨA CỦA NÓ VỚI VIỆC HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG VINH PHÚC

Nguyễn Đức Khiêm 591

72. GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP

Lê Văn Chinh 603

73. PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG VINH PHÚC ĐÁP ỨNG YÊU CẦU ĐÀO TẠO TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Nguyễn Thị Kim Chung 611

74. ỨNG DỤNG MÔ HÌNH LỚP HỌC ĐẢO NGƯỢC TRONG GIẢNG DẠY HỌC PHẦN “SỰ PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT TRẺ EM LỨA TUỔI MẦM NON” CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON TRƯỜNG CAO ĐẲNG VINH PHÚC

Đặng Việt Hà 620

75. BIỆN PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HỌC TẬP MÔN GIÁO DỤC HỌC CHO SINH VIÊN SƯ PHẠM Ở TRƯỜNG CAO ĐẲNG VINH PHÚC THEO TIẾP CẬN DÀNH GIÁ QUÁ TRÌNH

Trần Tuyết Nhung 629

76. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG TỎ CHUYỂN MÔN THEO ĐỊNH HƯỚNG ĐỔI MỚI GIÁO DỤC PHỔ THÔNG Ở CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN, TỈNH VINH PHÚC

Phạm Thị Duyên 639

77. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG RÈN LUYỆN NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM CHO SINH VIÊN CHUYÊN NGÀNH MẦM NON

Nguyễn Thị Thu Phương 649

78. TƯ TƯỞNG KẾT HỢP KINH TẾ VỚI QUỐC PHÒNG CỦA HỒ CHÍ MINH VÀ BÀI HỌC ĐỐI VỚI CÔNG CUỘC XÂY DỰNG, BẢO VỆ ĐẤT NƯỚC TRONG TÌNH HÌNH MỚI HIỆN NAY

Nguyễn Thị Anh 656

79. SỰ TẮT YẾU CỦA CÔNG TÁC BẢO VỆ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG QUÂN ĐỘI HIỆN NAY

Trần Quốc Cường 665

80. NÀNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC ĐỐI NGOẠI QUỐC PHÒNG TRONG
BỐI CẢNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ HIỆN NAY

Nguyễn Năng Nam, Nguyễn Hương Giang

672

81. CHIẾN LƯỢC CỦA MỘT SỐ CƯỜNG QUỐC ĐỐI VỚI BIẾN ĐỘNG VÀ
BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM HIỆN NAY

Cao Xuân Sáng

680

82. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, BẤT ĐỘNG Ở BIÊN ĐỒNG - QUAN ĐIỂM
VÀ HÀNH ĐỘNG TỪ PHÍA VIỆT NAM

Trần Thị Ngọc Thủy

691

83. CÁC YẾU TỐ AN NINH PHỤ TRUYỀN THÔNG TÁC ĐỘNG ĐẾN AN NINH
QUỐC GIA Ở VIỆT NAM

Trần Thị Tâm

699

84. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ĐẦU TRANH LÂM THẬT BÀI
ÂM MƯU "DIỄN BIẾN HÒA BÌNH" CỦA CÁC THẾ LỰC THỦ DỊCH TRONG
GIẢI ĐOÀN HIỆN NAY

Hoàng Xuân Trường

710

85. MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT HUY Ý CHÍ TỰ LỰC, TỰ CƯỜNG TRONG
NHIỆM VỤ BẢO VỆ TỔ QUỐC HIỆN NAY

Trần Bắc Bộ

717

86. MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN
TỰ VỆ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU NHIỆM VỤ BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG TÌNH
HÌNH MỚI

Vũ Quang Hay

723

...học xã hội với phát triển bền vững (SSSD 2022) 523

MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỂ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Phạm Quốc Đâm*

Tóm tắt: Từ việc phân tích những kết quả và hạn chế của giáo dục, đào tạo Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, bài viết đưa ra một số gợi ý mang tính giải pháp nhằm phát triển giáo dục, đào tạo trong giai đoạn mới để hướng tới một nền giáo dục phát triển, chất lượng.

Từ khóa: Giải pháp, giáo dục - đào tạo, hiện nay

1. MỞ ĐẦU

Thực hiện chủ trương đổi mới giáo dục và đào tạo của Đảng qua Nghị quyết từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII và các Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương, trong những năm gần đây, giáo dục và đào tạo Việt Nam có nhiều mặt tiến bộ. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được vẫn còn những yếu kém, bất cập cả về quy mô, cơ cấu, nhất là chất lượng và hiệu quả; chưa đáp ứng kịp những đòi hỏi lớn và ngày càng cao về nhân lực của công cuộc đổi mới kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, nghiên cứu một số giải pháp để phát triển giáo dục - đào tạo có ý nghĩa lý luận và thực tiễn quan trọng trong giai đoạn hiện nay.

2. NỘI DUNG

2.1. Những kết quả đạt được của giáo dục, đào tạo Việt Nam trong giai đoạn hiện nay

Một là, hệ thống giáo dục quốc dân được hoàn thiện hơn với các cấp, bậc học, trình độ đào tạo, các loại hình và phương thức giáo dục

Sau 35 năm đổi mới, giáo dục Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, đã hình thành được một hệ thống giáo dục quốc dân tương đối hoàn chỉnh, thống nhất và đa dạng hoá với đầy đủ các cấp học và trình độ đào tạo từ mầm non đến sau đại học. Mạng lưới các trường phổ thông được xây dựng rộng khắp trên toàn quốc. Các trường, lớp trung tâm dạy nghề phát triển dưới nhiều hình thức, các lớp dạy nghề ngắn hạn phát triển mạnh. Các trường đại học và cao đẳng được thành lập ở hầu hết các khu dân cư lớn của cả nước, các

vùng, các địa phương. Mạng lưới cơ sở giáo dục được mở rộng đến hầu hết các xã, phường, thị trấn trong toàn quốc. Cả nước đã hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở vào năm 2010, tiêu học vào năm 2000 và hoàn thành phổ cập giáo dục trung học phổ thông. Cơ sở vật chất kỹ thuật của trường được nâng cấp, cải thiện. Số trường lớp được xây dựng mới theo chuẩn quốc gia ngày càng tăng. Đào tạo sau đại học được hình thành và phát triển vững chắc đang dần dần đảm đương trách nhiệm đào tạo cán bộ khoa học trình độ cao ở trong nước.

Hệ thống giáo dục đã bước đầu được đa dạng hoá cả về loại hình, phương thức và nguồn lực, từng bước hội nhập với xu thế chung của giáo dục thế giới. Từ một hệ thống giáo dục chi có các trường công lập và chủ yếu là loại hình chính quy đến nay đã có các trường ngoài công lập, có nhiều loại hình không chính quy, có các trường mở, có phương thức đào tạo từ xa, phương thức liên kết đào tạo với nước ngoài.

Hai là quy mô giáo dục và mạng lưới cơ sở giáo dục được phát triển, nhất là ở bậc đại học và đào tạo nghề, bước đầu đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Quy mô phát triển giáo dục trước hết thể hiện ở số lượng người học. Cùng với số lượng người học, quy mô giáo dục còn được đánh giá qua mạng lưới trường học theo địa bàn dân cư, số lượng nhà giáo, trang thiết bị dạy học. Phát triển quy mô trong giáo dục ở Việt Nam vừa tăng số lượng người học vừa đảm bảo cân đối về cơ cấu người học theo địa bàn dân cư, hoàn cảnh xã hội, làm cho tỷ lệ người học trong dân cư toàn cộng đồng cũng như trong từng nhóm người ngày càng cao, làm cho giáo dục đến với mọi người, làm cho cả xã hội trở thành một xã hội học tập.

Mạng lưới cơ sở giáo dục phát triển rộng khắp trong toàn quốc đã mở rộng cơ hội học tập cho mọi người, bước đầu xây dựng xã hội học tập. Về cơ bản đã xoá được "xã trắng" về giáo dục mầm non; hầu hết các bản, làng, xã, phường đều có trường lớp tiểu học; trường trung học cơ sở được xây dựng ở các xã hoặc cụm liên xã; trường trung học phổ thông được xây dựng ở các huyện, một số huyện có hai đến ba trường. Các tỉnh và huyện có dân đông bào dân tộc thiểu số đã có trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc trung. Mạng lưới trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm học tập cộng đồng phát triển mạnh. Các cơ sở đào tạo nghề, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học được thành lập ở hầu hết các địa bàn đông dân cư, các vùng, các địa phương, kể cả vùng khó khăn như Tây Bắc, Tây Nguyên, Đông bằng sông Cửu Long. Hiện nay, cả nước có trên 9.000 trường tâm học tập cộng đồng, gần 700 trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh và huyện. 1.300 trường tâm tin học, nhiều trường đại học triển khai các chương trình giáo dục đào tạo từ xa. Ngoài ra, có nhiều cơ sở đào tạo ngoại ngữ và bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ có yếu tố nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam. Một xã hội học tập đã hình thành rõ nét ở Việt Nam.

Dời ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tăng nhanh về số lượng, nâng dần về chất lượng, từng bước khắc phục một phần bất hợp lý về cơ cấu, đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục và phát triển các cấp học và trình độ đào tạo.

Bà là chất lượng giáo dục ở các cấp học và trình độ đào tạo đã có chuyển biến.

Nội dung dạy học và kiến thức của học sinh phổ thông đã có tiến bộ, toàn diện hơn. Nội dung dạy học và kiến thức cập tri thức mới của một bộ phận học sinh, sinh viên được trình độ hiểu biết, năng lực tiếp cận tri thức mới của một bộ phận học sinh, sinh viên được nâng cao. Số đông sinh viên tốt nghiệp đại học, cao đẳng có hoài bão lập thân, lập nghiệp và có tinh thần tự lập và đại bộ phận đã có việc làm. Chất lượng đào tạo của một số ngành và cơ tình thần tự lập và đại bộ phận đã có việc làm. Chất lượng đào tạo của một số ngành và cơ tình thần tự lập và đại bộ phận đã có việc làm.

Đào tạo khoa học và công nghệ đã được nâng cao.

Các trường phổ thông chất lượng cao được hình thành ở nhiều địa phương. Nhiều trường đại học đã tổ chức dạy theo các chương trình tiên tiến quốc tế. Đã tăng cường sự gắn kết giữa hoạt động khoa học công nghệ với hoạt động đào tạo sau đại học, tập trung vào các lĩnh vực: công nghệ sinh học, công nghệ thông tin, công nghệ vật liệu, khoa học nông - lâm - ngư và khoa học giáo dục. Để đáp ứng tốt hơn yêu cầu cung cấp nhân lực cho các lĩnh vực kinh tế - xã hội, nâng cao hiệu quả đào tạo, trong những năm gần đây ngành giáo dục - đào tạo đã tích cực đẩy mạnh việc thực hiện đào tạo gắn với nhu cầu xã hội.

Hòa chung với sự đổi mới chương trình, sách giáo khoa và tài liệu dạy học, phương pháp giáo dục ở các nhà trường đã bước đầu được đổi mới theo tinh thần phát huy tính năng động, chủ động và tích cực của người học, đồng thời tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình dạy và học. Chuẩn nghề nghiệp của đội ngũ giáo viên ở các cấp học và trình độ đào tạo đã và đang được xây dựng làm cơ sở cho việc đánh giá và bồi dưỡng giáo viên theo chuẩn.

Bản là công bằng xã hội trong giáo dục đã được cải thiện.

Hệ thống giáo dục quốc dân đã tạo điều kiện cho đại bộ phận nhân dân trong độ tuổi đi học đạt trình độ xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập trung học cơ sở, tiến tới phổ cập trung học phổ thông, tạo cơ hội và những điều kiện cơ bản để một bộ phận nhân dân được học ở các cấp bậc học cao hơn theo nhu cầu và khả năng, chú ý các khu vực đặc biệt khó khăn (vùng cao, vùng sâu, vùng xa), đối tượng là người dân tộc thiểu số, người nghèo và đối tượng chính sách xã hội. Cả nước đã hoàn thành công tác xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập trung học cơ sở. Gần 98% dân cư từ 15 tuổi trở lên biết chữ; số năm đi học trung bình đạt 8,5. Về cơ bản Việt Nam đã đạt được sự bình đẳng nam nữ trong giáo dục cơ sở. Công bằng trong giáo dục được cải thiện, đặc biệt đối với trẻ em gái, người dân tộc thiểu số và con em các gia đình nghèo, các đối tượng bị thiệt thòi trong xã hội ngày càng được chú trọng. Giáo dục ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa đã có những chuyển biến tích cực, tiếp tục phát triển mạnh mẽ nhờ các chính sách giáo dục cho người dân tộc được ban hành và thực thi có hiệu quả.

Năm là công tác xã hội hoá giáo dục

được những kết quả bước đầu

Các lực lượng xã hội tham gia ngày càng tích cực vào việc huy động trẻ đến trường, giám sát, đánh giá và hiến kế cho giáo dục, xây dựng cơ sở vật chất trường học, đầu tư mua sắm, đóng góp kinh phí cho giáo dục dưới nhiều hình thức khác nhau. Các cấp uỷ đảng, trường, đảng góp phần đã quan tâm hơn đến sự nghiệp giáo dục, có biện pháp huy động và chỉnh quyển, đoàn thể đã quan tâm triển giáo dục và đào tạo. Nhận thức về ý nghĩa của việc hợp lực lượng xã hội tham gia phát triển giáo dục và xã hội không ngừng được nâng cao. Các loại hình hợp giáo dục giữa gia đình, nhà trường và xã hội không ngừng được nâng cao. Các loại hình trường lớp đã được đa dạng hoá, đã có thêm các loại hình trường lớp đại chúng từng bước được đưa chương trình giáo dục từ xa qua các phương tiện thông tin đại chúng từng bước được đưa cường. Đối với các trường công, Nhà nước đã ban hành và từng bước hoàn thiện chế độ học phí và các khoản đóng góp khác, tạo thêm nguồn lực tài chính cho các trường này.

Sáu là công tác quản lý giáo dục đã có nhiều chuyển biến.

Công tác quản lý chất lượng đã được chú trọng với việc tăng cường hệ thống đánh giá và kiểm định chất lượng. Việc phân cấp quản lý giáo dục cho các địa phương và cơ sở giáo dục được đẩy mạnh, đặc biệt tăng quyền chủ động cho các cơ sở giáo dục trong tuyển dụng giáo viên, sử dụng ngân sách, tổ chức quy trình giáo dục, tổ chức thực hiện kế hoạch học, thực hiện chương trình, sách giáo khoa phù hợp với đặc điểm đối tượng học sinh điều kiện cụ thể của từng vùng, miền. Cải cách hành chính trong toàn ngành giáo dục đã đẩy mạnh. Công nghệ thông tin được ứng dụng mạnh mẽ trong quản lý ngành.

Những thành tựu của giáo dục và đào tạo nước ta trong thời gian qua đã khẳng định vai trò quan trọng của giáo dục trong việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài cho đất nước. Nhờ những thành tựu đó mà chỉ số phát triển con người của Nam đã có bước tiến bộ đáng kể.

2.2. Những hạn chế, yếu kém

Mặc dù đã đạt được một số thành tựu cơ bản nhưng giáo dục và đào tạo nước ta còn những bất cập và yếu kém:

Thứ nhất, chất lượng và hiệu quả giáo dục nói chung còn thấp. Sự phát triển qu

giáo dục ở các cấp học, ngành nghề và trình độ đào tạo trong những năm qua đã đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập của nhân dân, nhưng chất lượng giáo dục chưa đáp ứng được cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và còn thấp so với trình độ của các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới. Trong giáo dục chưa giải quyết được mâu thuẫn phát triển số lượng với nâng cao chất lượng. Hệ thống giáo dục thiếu đồng bộ, chưa thông, mất cân đối giữa các cấp học, ngành học, cơ cấu, trình độ, ngành nghề, vùng. Việc giáo dục tư tưởng đạo đức, lối sống, về truyền thống văn hoá, lịch sử dân tộc, về ý thức về quyền lợi và nghĩa vụ công dân cho học sinh, sinh viên chưa chú ý đúng mức cả v

đang và phương pháp; giáo dục phổ thông mới chỉ quan tâm nhiều đến "dạy chữ", chưa quan tâm đúng mức đến "dạy người", kỹ năng sống và "dạy nghề" cho thanh thiếu niên. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng đã chỉ rõ: "Chất lượng giáo dục và đào tạo chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, nhất là đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao và văn hóa; chưa chú ý mạnh sang đào tạo theo nhu cầu của xã hội. Chưa giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng số lượng, quy mô với nâng cao chất lượng, giữa dạy chữ và dạy người. Chương trình, nội dung, phương pháp dạy và học lạc hậu, đổi mới chậm; cơ cấu giáo dục không hợp lý giữa các lĩnh vực, ngành nghề đào tạo; chất lượng giáo dục toàn diện giảm sút, chưa đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Quản lý nhà nước về giáo dục còn bất cập. Xu hướng thương mại hoá và sa sút đạo đức trong giáo dục khác phục còn chậm, hiệu quả thấp, đang trở thành nỗi bức xúc của xã hội".

Thứ hai, nội dung, phương pháp giáo dục từ mầm non đến phổ thông đã được đổi mới nhưng còn bộc lộ nhiều hạn chế: chương trình giáo dục đại học chậm đổi mới, chưa đáp ứng được mục tiêu giáo dục. Nội dung trong chương trình giáo dục ở các cấp học và trình độ đào tạo không thiết thực, nặng về lý thuyết, nhẹ về thực hành, chưa gắn với yêu cầu xã hội, chưa phù hợp với nhu cầu và khả năng học tập của mọi đối tượng học sinh. Phương pháp dạy học về cơ bản vẫn theo lối truyền thụ một chiều, đòi hỏi người học phải ghi nhớ máy móc, không phát huy được tư duy phê phán, tư duy sáng tạo và tính thân tự học ở người học.

Thứ ba, đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục chưa đáp ứng được nhiệm vụ giáo dục trong thời kỳ mới. Người thầy đóng vai trò quyết định chất lượng giáo dục và đào tạo, nhưng thực tế khi quy mô học sinh, sinh viên tăng nhanh đã gây nên sự bất cập giữa quy mô phát triển giáo dục với đội ngũ giáo viên, nhất là ở bậc mầm non và bậc đại học giữa đến tình trạng đội ngũ nhà giáo vừa thiếu, vừa thừa, vừa không đồng bộ về cơ cấu. Phương thức đào tạo trong các nhà trường sư phạm chậm đổi mới, chất lượng đào tạo còn thấp dẫn đến tình trạng trình độ chuyên môn và nghiệp vụ của một bộ phận nhà giáo chưa đáp ứng được yêu cầu nâng cao chất lượng. Bên cạnh sự nỗ lực của tuyệt đại bộ phận, một số nhà giáo còn có biểu hiện vi phạm đạo đức lối sống, làm ảnh hưởng xấu tới uy tín của người thầy trong xã hội. Công tác bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhà giáo còn thiếu hiệu quả. Các chế độ chính sách đối với nhà giáo chưa thoả đáng, chưa tạo được động lực phấn đấu vươn lên trong bản thân mỗi người thầy.

Thứ tư, quản lý giáo dục còn nhiều yếu kém, bất cập. Công tác quản lý giáo dục còn nhiều yếu kém và là nguyên nhân chủ yếu của nhiều yếu kém khác. Cơ chế quản lý giáo dục chậm đổi mới, chưa theo kịp sự đổi mới trên các lĩnh vực của đất nước. Đạo đức và năng lực của một bộ phận cán bộ quản lý giáo dục còn thấp. Công tác xây dựng đội ngũ nhà giáo chưa đáp ứng được yêu cầu. Các cơ quan chức năng chậm cụ thể hóa những quan điểm của Đảng thành cơ chế, chính sách của Nhà nước; thiếu nhạy bén trong việc tham mưu với Đảng về những vấn đề phức tạp mới nảy sinh; thiếu những quyết sách đồng bộ, hợp lý ở

tâm vĩ mô để thúc đẩy phát triển giáo dục: một số chính sách về giáo dục còn chủ quan, duy ý chí, xa thực tế, thiếu sự đồng thuận của xã hội. Tư duy giáo dục chậm đổi mới, chưa theo kịp yêu cầu đổi mới, phát triển đất nước, trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Những tác động mặt trái của cơ chế thị trường và những khó khăn của đất nước đã ảnh hưởng nhiều đến sự nghiệp phát triển giáo dục.

Thứ năm, cơ sở vật chất kỹ thuật của nhiều trường còn thiếu thốn và lạc hậu. Mặc dù tình hình cơ sở vật chất kỹ thuật nhà trường trong những năm gần đây đã có nhiều cải thiện rõ rệt nhưng vẫn còn tình trạng lớp học tạm, phòng học cấp bốn cũ nát, nhất là ở vùng sâu, vùng xa; thư viện, phòng thí nghiệm, phòng học bộ môn và các phương tiện dạy học còn thiếu và lạc hậu, nhất là ở các trường đại học.

2.3. Một số giải pháp cơ bản nhằm phát triển giáo dục và đào tạo Việt Nam trong thời gian tới

Trước hết, cần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, coi trọng giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên, mở rộng quy mô giáo dục hợp lý. Phát triển năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, làm cho thế hệ trẻ có đủ khả năng và bản lĩnh thích ứng với những biến đổi nhanh chóng của thế giới. Bồi dưỡng cho thanh thiếu niên lòng yêu nước nồng nàn, tự hào, tự tôn dân tộc và khát vọng mãnh liệt về xây dựng đất nước giàu mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Phát triển quy mô hợp lý cả giáo dục đại trà và mũi nhọn, xây dựng xã hội học tập, tạo điều kiện thuận lợi cho mọi người có thể học tập suốt đời. Tăng nhanh quy mô đào tạo công nhân và cán bộ kỹ thuật lành nghề ở những lĩnh vực công nghệ cao, tiếp cận trình độ tiên tiến thế giới.

Tiếp theo cần tăng cường các nguồn lực cho giáo dục. Đây là giải pháp cơ bản tạo tiền đề cho giáo dục. Đầu tư cho giáo dục lấy từ nguồn chi thường xuyên và nguồn chi phát triển trong ngân sách nhà nước. Ngân sách nhà nước giữ vai trò chủ yếu trong tổng nguồn lực của giáo dục. Ngân sách này phải được sử dụng tập trung ưu tiên cho việc đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, đào tạo cán bộ cho một số ngành trọng điểm, bồi dưỡng nhân tài, trợ giúp cho giáo dục ở những vùng khó khăn và diện chính sách. Tích cực huy động các nguồn lực ngoài ngân sách. Xây dựng quỹ giáo dục quốc gia, quỹ khuyến học, quỹ tín dụng đào tạo. Nhà nước quy định cơ chế cho các doanh nghiệp đầu tư vào công tác đào tạo và đào tạo lại. Các trường dạy nghề, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học và các viện nghiên cứu lập cơ sở sản xuất và dịch vụ khoa học đúng với ngành nghề đào tạo.

Khuyến khích và tạo điều kiện để cho người Việt Nam ở nước ngoài và các tổ chức và cá nhân nước ngoài giúp đỡ, đầu tư vào lĩnh vực giáo dục - đào tạo theo quy định của pháp luật. Sử dụng một phần vốn vay và viện trợ của nước ngoài để xây dựng cơ sở vật chất và đào tạo cán bộ, giáo viên cho lĩnh vực giáo dục.

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ tích cực góp phần phát triển giáo dục. Kết hợp giáo dục xã

hội, giáo dục gia đình và giáo dục nhà trường, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh. Nâng cao vai trò của hệ thống thông tin đại chúng như báo chí, xuất bản, phát thanh và truyền hình, hoạt động văn hóa, nghệ thuật, phục vụ phát triển sự nghiệp giáo dục.

Đội ngũ giáo viên là nhân tố cơ bản quyết định chất lượng của giáo dục. Vì vậy, cần nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ giáo viên có đức, có tài, có tâm huyết phấn đấu cho sự nghiệp giáo dục bằng cách củng cố và đầu tư tập trung nâng cấp các trường sư phạm, trong đó có một số trường đại học sư phạm trọng điểm. Có chính sách thu hút học sinh tốt, khả năng vào các ngành sư phạm. Tăng chỉ tiêu đào tạo của các trường sư phạm để đáp ứng nhu cầu về số lượng và chất lượng. Đào tạo giáo viên gắn với địa chỉ và có chính sách sử dụng hợp lý để nhanh chóng khắc phục tình trạng thiếu giáo viên hiện nay. Tăng cường thực hiện chương trình bồi dưỡng, chuẩn hóa, nâng cao phẩm chất và năng lực cho đội ngũ giáo viên. Tôn vinh và nâng cao địa vị xã hội và địa vị kinh tế của đội ngũ giáo viên. Không bỏ trí những người kém phẩm chất đạo đức và năng lực làm giáo viên, kể cả làm giáo viên hợp đồng.

Mặt khác, phải có chế độ chính sách, đặc biệt là chính sách về lương, thưởng, thăng tiến, phát triển chuyên môn, đánh giá đãi ngộ phù hợp để tạo động lực và hiệu quả làm việc của đội ngũ giáo viên. Mặc dù, Đảng và Nhà nước đã cải tiến rất nhiều chế độ chính sách cho giáo viên, nhưng các chính sách, chế độ hiện hành đối với giáo viên vẫn còn nhiều bất cập, dẫn đến hệ quả là nhiều giáo viên không thể toàn tâm, toàn ý cho sự nghiệp giáo dục, đào tạo, sự nghiệp trồng người của đất nước được.

Tiếp tục nâng cao chất lượng toàn diện, đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học, tăng cường cơ sở vật chất cho các trường học. Khắc phục lối truyền thụ một chiều, rèn luyện thành nếp tư duy sáng tạo của người học. Từng bước áp dụng các phương pháp tiên tiến và phương tiện hiện đại vào quá trình dạy học, bảo đảm điều kiện và thời gian tự học, tự nghiên cứu cho học sinh, nhất là sinh viên đại học.

Đổi mới chương trình bộ môn, sách giáo khoa và các tài liệu giảng dạy - học tập. Sớm khắc phục tình trạng quá tải, nặng về lý thuyết, nhẹ về thực hành, chưa khuyến khích đúng mức tính sáng tạo của người học. Tập trung xây dựng chương trình bộ môn, sách giáo khoa và các tài liệu phục vụ giảng dạy và học tập của các cấp học, các ngành học theo hướng cập nhật với tiến bộ khoa học - công nghệ; tăng cường năng lực thực hành, kỹ năng; tăng cường giáo dục công dân về tư tưởng đạo đức, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân các cấp trong công tác quản lý giáo dục.

Quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan quản lý giáo dục; xây dựng, hoàn thiện các chính sách, cơ chế về giáo dục - đào tạo, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện mục tiêu, chương trình và chất lượng. Thực hiện nghiêm túc Luật Giáo dục. Chấn chỉnh, sắp

xếp lại hệ thống các trường đại học, cao đẳng, đội ngũ cán bộ giảng dạy, về cơ sở vật chất, trang thiết bị và đầu vào của sinh viên. Đây mạnh nghiên cứu khoa học giáo dục, giải quyết tốt những vấn đề lý luận và thực tiễn trong quá trình đổi mới giáo dục. Xứ lý nghiên cứu bệnh thành tích và các hiện tượng tiêu cực trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

3. KẾT LUẬN

Phát triển giáo dục và đào tạo là bí quyết thành công, là con đường ngắn nhất đi tới, đón đầu trong công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Giáo dục tạo ra những con người phát triển toàn diện, là những người có khả năng thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của khoa học và công nghệ, có đủ sức cạnh tranh trong quá trình phân công lao động quốc tế. Vì vậy, đề đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp đề hướng tới một nền giáo dục có chất lượng, tưng xứng với tầm vóc phát triển của đất nước, sánh vai cùng các nền giáo dục tiên bộ trên thế giới. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII chi rõ: “Đào tạo con người theo hướng có đạo đức, kỷ luật, kỷ cương, ý thức trách nhiệm công dân, xã hội; có kỹ năng sống, kỹ năng làm việc, ngoại ngữ, công nghệ thông tin, công nghệ số, tư duy sáng tạo và hội nhập quốc tế”¹.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Khoa giáo Trung ương (2002), *Giáo dục và Đào tạo trong thời kỳ đổi mới. Chi trương, thực hiện, đánh giá*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Đảng Quốc Bảo, Nguyễn Đức Hưng (2004), *Giáo dục Việt Nam hướng tới tương lai - vấn đề và giải pháp*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
5. Đặng Bá Lâm (2005), *Quản lý nhà nước về giáo dục - Lý luận và thực tiễn*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Nguyễn Thế Long (2006), *Đổi mới tư duy phát triển giáo dục Việt Nam trong nền kinh tế thị trường*, Nxb Lao động, Hà Nội.